TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_KD01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71401709	Hồ Bảo	Anh	D14_KD01													5.29	5.35		4.45	0.50		0.00	0.00		0.60	3.30	35/123	13/46	CB_BTH_1	NoHP		DC	DH14
2	DH71400030	Liêu Thị Vân	Anh	D14_KD01													6.57	6.35		5.85	6.55	5.00	6.00	6.68		7.06	6.50	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400044	Nguyễn Việt	Anh	D14_KD01													5.50	4.80	0.00	5.65	5.60	6.13	5.17	5.11	6.50	5.63	5.64	104/123	39/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400117	Đoàn Thị Kim	Chi	D14_KD01													6.14	5.90	5.00	6.05	6.50	4.00	6.50	6.75	7.20	6.77	6.59	125/123	46/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400120	La Minh	Chi	D14_KD01													6.14	5.55		5.60	5.45	3.00	3.83	5.41	6.33	5.82	5.82	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400129	Trần Thị Kim	Chi	D14_KD01													6.50	5.70		5.10	5.80	5.00	4.00	5.33	6.67	5.63	5.82	119/123	44/46				ĐẠT	DH14
7	DH71400084	Bùi Thái Kim	Cương	D14_KD01													7.21	6.55	8.00	6.25	6.86	7.00	6.00	5.59	3.80	6.44	6.66	121/123	44/46				ĐẠT	DH14
8	DH71400089	Hứa Trí	Cường	D14_KD01													6.14	5.40		6.05	5.55	4.00	5.67	6.14	6.00	6.13	6.07	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400138	Chung Khánh	Dân	D14_KD01													6.14	6.05		5.15	6.25	5.00	4.33	6.05	6.00	6.21	6.06	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400179	Mạch Mỹ	Dung	D14_KD01													5.43	6.30	6.00	5.60	6.05	3.00	5.60	6.05	4.50	6.00	6.02	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
11	DH71300212	Ngô Trung	Dũng	D14_KD01										5.33	5.22	0.00	4.79	4.56	0.50	1.82			0.13	0.63		0.00	3.02	52/123	22/46	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC & CB_TGIAN	DH13
12	DH71400217	Đỗ Tiến	Đạt	D14_KD01													7.71	6.25		6.85	7.55	7.00	7.00	7.72		8.00	7.40	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
13	DH71400244	Lê Hồng	Đức	D14_KD01													1.79	5.05	0.00	5.90	5.82	0.00	4.60	5.05	0.00	5.50	5.06	87/123	31/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400404	Phạm Trung	Hiếu	D14_KD01													5.79	6.15	6.00	5.00	4.30	4.00	5.40	5.80	6.80	6.68	5.98	110/123	41/46				ĐẠT	DH14
15	DH71400409	Trần Ngọc Minh	Hiếu	D14_KD01													8.14	7.50		7.70	7.75		7.33	7.63		7.94	7.69	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400448	Trần ái	Hoa	D14_KD01													5.71	6.10		5.60	6.25		5.40	5.77	4.00	6.19	5.92	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
17	DH71400430	Lưu Nhựt	Hoàng	D14_KD01													6.00	6.20		5.75	6.25	4.00	5.20	5.67	6.00	6.00	5.96	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
18	DH71300375	Huỳnh Cảnh	Hùng	D14_KD01										6.17				5.71	0.00	5.61	5.41	5.13	5.17	5.62	6.67	6.00	6.02	114/123	42/46				CB_TGIAN	DH13
19	DH71400376	Văn Chí	Hùng	D14_KD01													6.29	6.25	7.00	5.75	6.60	4.00	5.33	5.84	6.50	6.88	6.31	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
20	DH71400414	Lê Thị Kim	Hưng	D14_KD01													6.79	7.00		6.55	6.30		6.88	7.69	5.00	7.69	6.94	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
21	DH71401685	Nguyễn Văn	Khương	D14_KD01													4.79	5.20	5.00	4.71	5.50	5.00	4.68	5.05	5.50	5.88	5.45	111/123	41/46				ĐẠT	DH14
22	DH71400561	Nguyễn Đức Huệ	Kim	D14_KD01													6.43	6.25		5.90	6.30	6.00	4.71	5.31	6.67	6.25	6.18	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
23	DH71400572	Chiếng Mẫn	Kỳ	D14_KD01													6.07	7.10		6.15	7.40		6.00	6.79		6.88	6.67	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
24	DH71400615	Dương Thị Mỹ	Linh	D14_KD01													5.00	5.55	5.00	5.70	5.86	5.00	5.71	6.53	10.00	6.23	6.02	122/123	45/46				ĐẠT	DH14
25	DH71400598	Phạm Văn	Lộc	D14_KD01													6.57	6.05		5.95	6.45	3.00	5.20	6.16	6.33	5.69	6.19	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
26	DH71300700	Nguyễn Công	Minh	D14_KD01										6.67	6.78		5.65	5.14		3.39			6.13	6.11	6.00	6.22	6.48	117/123	44/46				CB_TGIAN	DH13
27	DH71400780	Văn Thị Kim	Ngân	D14_KD01													6.79	7.35		6.85	7.05		6.60	6.63		6.63	6.86	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
28	DH71400849	Từ Thuận	Nguyên	D14_KD01													6.57	5.90		5.95	5.85	3.50	5.80	6.11	7.00	6.47	6.23	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
29	DH71400905	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D14_KD01													6.21	5.70	5.00	5.20	5.77	4.50	6.29	6.06	6.63	6.69	6.23	122/123	45/46				ĐẠT	DH14
30	DH71400927	Nguyễn Thanh Minh	Nhựt	D14_KD01													5.50	4.70		4.74	5.79	5.50	6.12	5.79	7.00	6.19	5.98	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
31	DH71400984	Chung Đạt	Phú	D14_KD01													6.07	6.30		5.80	6.10	6.00	5.80	6.58		6.50	6.24	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
32	DH71401117	Nguyễn Võ Minh	Tâm	D14_KD01													7.36	6.50		6.80	6.80		6.00	6.86		6.56	6.74	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
33	DH71401269	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D14_KD01													5.93	6.25		5.40	6.25	6.00	5.83	6.32	5.00	6.38	6.19	127/123	47/46				ĐẠT	DH14
34	DH71401300	Trần Ngọc Nhã	Thy	D14_KD01													7.07	7.00		6.40	7.15	2.00	6.00	6.00	9.00	6.88	6.79	121/123	45/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
35	DH71401307	Nguyễn Mai	Tiên	D14_KD01													6.07	5.15		5.40	5.92	6.00	5.35	5.95	8.00	6.19	6.04	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
36	DH71401536	Huỳnh Hữu	Tính	D14_KD01													7.43	6.50		6.90	7.20	6.00	6.50	6.88		7.13	6.96	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
37	DH71401489	Trần Minh	Trí	D14_KD01													6.07	5.70	0.00	5.35	6.10	6.00	4.95	6.05	7.80	6.75	6.15	127/123	47/46				ĐẠT	DH14
38	DH71401465	Lư Cẩm	Trung	D14_KD01													5.71	5.60		5.15	5.55	5.00	5.50	5.90		6.05	5.85	113/123	42/46				ĐẠT	DH14
39	DH71401597	Dương Thùy	Vy	D14_KD01													5.00	4.60		4.67	4.60	6.00	5.80	5.11	7.00	5.84	5.68	106/123	39/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS. TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_KD02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71400028	Lê Quốc	Anh	D14_KD02													7.00	6.20		5.75	6.05	5.00	5.60	6.00		6.94	6.21	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
2	DH71400119	Lương Mỹ	Chi	D14_KD02													5.14	6.70		5.05	5.45	3.00	5.00	6.28	6.33	6.68	6.07	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400239	Nguyễn Trọng Hải	Đường	D14_KD02													7.14	6.60		5.80	6.25	5.00	5.40	6.43	5.50	6.44	6.46	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400255	Trần Anh	Giàu	D14_KD02													5.79	4.75		4.60	4.30	4.00	3.80	5.14	6.00	5.91	5.51	107/123	40/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400350	Văn Lê Hữu	Hạnh	D14_KD02													7.57	7.90		6.80	7.80	7.00	7.47	7.78		7.86	7.66	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400283	Nguyễn Vương Huỳnh	Hân	D14_KD02													6.93	7.35		6.55	6.55		5.40	6.56	6.00	7.00	6.69	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
7	DH71400427	Huỳnh Lu Khánh	Hoàng	D14_KD02													6.14	5.50		4.80	5.40	4.00	4.83	5.57	6.50	6.32	5.92	115/123	43/46				ĐẠT	DH14
8	DH71401721	Nguyễn Minh	Hoàng	D14_KD02													6.57	6.35		5.00	4.45	4.00	4.40	5.70	5.00	6.18	5.80	105/123	40/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400463	Huỳnh Thị Hạnh	Huê	D14_KD02													6.29	6.55		5.95	6.20	5.00	5.40	6.72	4.00	6.05	6.26	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400373	Phạm Văn	Hùng	D14_KD02													2.79	2.05		3.75	3.62	3.25	4.25	5.41	5.67	5.41	5.40	103/123	38/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400481	Nguyễn Lâm Hoàng	Huy	D14_KD02													4.93	4.65		4.42	4.64	4.00	3.75	4.09	4.20	4.08	4.86	87/123	33/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400417	Nguyễn Quốc	Hưng	D14_KD02													6.79	6.95	7.00	6.25	6.65	5.00	5.60	6.89	0.00	5.94	6.56	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
13	DH71400532	Trần Duy	Khang	D14_KD02													5.93	5.00		5.20	5.10	6.00	5.37	5.86	5.00	6.81	5.80	114/123	42/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400563	Nguyễn Phạm Mỹ	Kim	D14_KD02													5.64	6.10	8.00	5.45	4.85	5.00	5.29	6.65	7.00	6.14	6.20	128/123	47/46				ĐẠT	DH14
15	DH71400587	Nguyễn Vũ Hoàng	Lan	D14_KD02													5.14	5.20	0.00	4.55	5.75	6.00	4.57	5.45	7.00	5.89	5.82	119/123	44/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400616	Lê Khanh	Linh	D14_KD02													6.14	5.55	4.00	5.10	5.78	5.40	5.05	5.78	6.67	5.75	5.99	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
17	DH71400630	Phạm Huỳnh Trúc	Linh	D14_KD02													6.86	6.30		6.25	7.20	6.00	6.60	6.39		7.06	6.70	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
18	DH71400632	Trần Lệ	Linh	D14_KD02													6.93	6.00		6.10	5.90	7.00	6.76	6.86	7.00	7.64	6.84	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
19	DH71400646	Hà Thanh	Long	D14_KD02													6.79	6.65	7.00	7.05	7.20		7.00	7.47		7.94	7.20	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
20	DH71400591	Đinh Ngọc Trường	Lộc	D14_KD02													5.93	5.10		4.61	4.82	4.00	3.50	5.10	5.67	5.36	5.38	108/123	41/46				ĐẠT	DH14
21	DH71400595	Nguyễn Tấn	Lộc	D14_KD02													5.79	5.30	0.00	4.70	5.00	3.20	4.33	4.86	6.00	5.58	5.54	115/123	43/46				ĐẠT	DH14
22	DH71400666	Trinh Trường	Luân	D14_KD02													7.29	6.65		5.65	6.45		5.80	6.78	7.00	7.06	6.72	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
23	DH71400705	Từ Võ Quốc	Minh	D14_KD02													6.00	5.60		4.65	4.35	5.00	4.29	5.05		5.28	5.40	113/123	42/46				ĐẠT	DH14
24	DH71400808	Trần Hoàng Mỹ	Ngọc	D14_KD02													5.64	5.90	5.00	4.60	4.85	4.00	4.18	5.22	6.00	5.00	5.59	109/123	41/46				ĐẠT	DH14
25	DH71400834	Lâm Thảo	Nguyên	D14_KD02													5.64	6.10	7.00	6.05	5.90	6.00	6.59	6.81		7.43	6.54	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
26	DH71401757	Phạm Thị Trang	Nhã	D14_KD02													4.43	5.05	6.00	4.85	4.75	4.50	5.04	6.12	7.33	7.14	6.18	118/123	43/46				ĐẠT	DH14
27	DH71400873	Nguyễn Hoài	Nhân	D14_KD02													6.29	6.00		4.55	5.75	4.00	5.29	5.45		5.84	5.66	117/123	44/46				ĐẠT	DH14
28	DH71400893	Hoàng Thị Yến	Nhi	D14_KD02													6.93	6.90		6.00	6.65	5.00	5.80	6.61	3.00	6.69	6.56	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
29	DH71400914	Đoàn Thị Tiểu	Nhu	D14_KD02													6.07	6.75		6.45	6.25	6.00	6.00	6.55	5.00	6.50	6.50	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
30	DH71400967	Nguyễn Gia	Phi	D14_KD02													5.93	5.10	5.00	5.25	4.70	5.00	4.50	5.11	7.00	3.95	5.23	97/123	37/46	CCHV_1			CCHV	DH14
31	DH71401024	Trương Hẹ	Phong	D14_KD02													5.86	6.35	8.00	6.45	6.65		6.80	7.58		8.06	6.90	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
32	DH71400979	Đoàn Thị Kim	Phượng	D14_KD02													6.86	6.30	8.00	6.15	6.30	5.00	6.76	7.06		7.43	6.76	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
33	DH71401053	Cao Thị Ngọc	Quế	D14_KD02													6.29	5.20		5.40	5.65	2.00	4.12	5.15	5.00	4.80	5.63	106/123	40/46				ĐẠT	DH14
34	DH71401788	Phạm Đức Minh	Tâm	D14_KD02													3.21	4.50	6.50	6.19	7.43	5.00	5.63	6.57	6.00	7.94	6.76	124/123	46/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																							TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ I (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
35	DH71401237	Nguyễn Lan	Thanh	D14_KD02													6.14	5.90		6.70	6.95	5.00	4.67	5.31		5.50	6.11	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
36	DH71401211	Đào Ngọc	Thắng	D14_KD02													6.93	6.45	9.00	6.35	6.45	7.00	6.00	6.58		7.25	6.77	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
37	DH71401382	Võ Ngọc Quyên	Trâm	D14_KD02													6.71	5.90		6.35	6.43	6.00	6.00	6.81	6.00	6.92	6.55	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
38	DH71401345	Huỳnh Cẩm	Tú	D14_KD02													6.36	5.80		6.30	6.50	4.00	6.06	6.38	8.00	6.79	6.45	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
39	DH71401520	Đoàn Thị Ngọc	Tuyền	D14_KD02													6.00	5.25	7.00	4.90	5.48	4.50	4.67	5.33	6.00	5.79	5.74	115/123	43/46				ĐẠT	DH14
40	DH71401546	Lê Trần Phương	Uyên	D14_KD02													6.71	6.35		5.35	5.25	4.00	4.20	5.14	6.33	5.84	5.91	114/123	43/46				ĐẠT	DH14
41	DH71401573	Đặng Quốc	Việt	D14_KD02													5.00	5.40	0.00	4.62	4.65	3.20	3.79	4.37	3.60	4.26	5.01	93/123	34/46				ĐẠT	DH14
42	DH71401606	Phạm Thị Tường	Vy	D14_KD02													6.29	6.50	6.00	5.75	6.20	5.00	5.00	5.39	6.50	6.96	6.46	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
43	DH71401610	Trần Lê Thanh	Vy	D14_KD02													5.71	5.25	7.00	5.40	5.68	4.00	5.00	5.20	5.00	5.36	5.77	113/123	42/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_KD03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71400018	Nguyễn Thị	An	D14_KD03													4.50	3.40	0.00	3.45	5.00	5.00	3.83	5.19	4.50	5.00	5.10	103/123	41/46				ĐẠT	DH14
2	DH71400024	Dương Hoàng	Anh	D14_KD03													5.93	5.85		5.55	6.30	5.00	3.94	5.13	6.33	5.00	5.78	111/123	42/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400093	Phạm Mạnh	Cường	D14_KD03													6.21	6.00		5.75	6.30	4.00	6.00	6.57		6.79	6.37	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400167	Lê Tiến	Dũng	D14_KD03													6.21	5.55	5.00	5.05	5.55	3.00	4.67	5.68	6.33	6.00	5.88	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400242	Phạm Nguyễn Thanh	Điền	D14_KD03													5.29	4.15	2.00	5.50	5.70	4.13	3.43	6.00	6.64	6.00	5.76	116/123	43/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400304	Chu Thị Thu	Hà	D14_KD03													3.36	3.85	2.50	4.89	3.96	3.50	4.50	2.40	4.00	2.60	4.43	77/123	28/46	CB_BTH_1			CB_BTH	DH14
7	DH71401777	Nguyễn Thị Bé	Hiền	D14_KD03													6.36	6.50		6.30	7.50		6.00	6.84	7.00	7.44	6.87	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
8	DH71400449	Hồ Tâm	Hoan	D14_KD03													6.86	6.90		6.25	6.60		5.57	6.63	5.00	6.38	6.60	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400359	Trần Thị Thúy	Hồng	D14_KD03													6.43	6.10	7.00	5.95	5.95	4.00	4.68	6.21	7.00	6.86	6.39	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400502	Trần Thị Ngọc	Huyền	D14_KD03													6.14	6.05	8.00	6.10	6.35	5.50	4.67	6.33	6.50	6.69	6.54	126/123	47/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400292	Nguyễn Huỳnh Quế	Hương	D14_KD03													7.29	6.90		6.15	7.64		6.24	7.32	5.00	7.89	7.15	125/123	47/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400573	Mai Nhựt	Lâm	D14_KD03													6.57	6.05		6.26	6.95	5.00	6.86	6.83		7.64	6.71	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
13	DH71400602	Trương Hà	Liên	D14_KD03													5.57	5.55	6.00	5.15	4.85	4.00	4.83	3.18		0.13	4.42	75/123	28/46	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH14
14	DH71400634	Võ Thị Ngọc	Linh	D14_KD03													6.64	7.40		6.75	6.75		6.83	7.73		8.31	7.18	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
15	DH71400718	Trần Ngọc	Mỹ	D14_KD03													5.86	5.95		6.00	7.00		5.17	6.45	5.00	6.81	6.40	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400788	Nguyễn Thị	Nga	D14_KD03													6.21	6.95		5.65	6.36	6.00	6.29	5.00		6.25	6.26	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
17	DH71400784	Kha Minh	Ngà	D14_KD03													5.57	4.05	0.00	5.10	1.09	6.40	6.14	6.18	6.00	7.00	5.94	110/123	41/46				ĐẠT	DH14
18	DH71400902	Nguyễn Thị ánh	Nhi	D14_KD03													6.64	6.25		5.80	7.20	4.00	6.00	6.24	5.00	6.89	6.63	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
19	DH71400903	Nguyễn Thị Linh	Nhi	D14_KD03													6.50	5.80		6.45	6.05	5.00	5.20	6.95	9.00	6.44	6.55	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
20	DH71401016	Đặng Tuấn	Phong	D14_KD03													7.57	5.80		5.45	5.60	4.00	5.00	6.05	4.00	6.32	6.10	114/123	43/46				ĐẠT	DH14
21	DH71400963	Lợi Gia	Phối	D14_KD03													5.86	6.15	7.00	6.00	6.45	6.00	6.00	6.65	6.00	6.94	6.50	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
22	DH71400960	Phạm Thanh	Phương	D14_KD03													5.86	5.35	6.00	4.50	4.80	5.00	4.83	5.55	7.33	6.10	5.82	116/123	43/46				ĐẠT	DH14
23	DH71400982	Nguyễn Trần Bích	Phượng	D14_KD03													6.29	6.85		6.65	6.64		5.35	6.06	6.33	6.29	6.51	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
24	DH71401061	Lê Mạc	Quý	D14_KD03													6.36	6.10		6.40	6.65		5.80	6.72	8.00	6.50	6.47	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
25	DH71401085	Nguyễn Ngọc	Sơn	D14_KD03													6.93	7.05		6.65	7.15	6.00	6.83	8.19		8.81	7.40	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
26	DH71401702	Lê Thị	Sương	D14_KD03													7.64	7.55		6.40	7.20	6.00	6.67	7.47	5.00	8.13	7.33	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
27	DH71401136	Lê Thành	Tài	D14_KD03													7.36	7.95		6.61	6.65		5.83	6.56	9.00	7.50	7.04	119/123	44/46				ĐẠT	DH14
28	DH71401291	Nguyễn Tri Hoài	Thu	D14_KD03													6.86	5.25		5.90	5.80		6.14	6.85	7.50	7.50	6.76	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
29	DH71401324	Võ Thị Kiều	Tiên	D14_KD03													6.14	5.75		5.60	6.91	4.00	6.18	6.29	7.00	6.79	6.60	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
30	DH71401411	Phùng Thúy	Trang	D14_KD03													5.79	6.15	6.00	6.05	7.35	5.00	5.86	6.13	5.00	6.06	6.38	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
31	DH71401373	Lê Ngọc	Trâm	D14_KD03													5.29	5.60		5.40	6.75	5.00	6.00	7.29	6.00	7.13	6.44	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
32	DH71401388	Phan Thị Ngọc	Trân	D14_KD03													5.79	6.65		6.20	7.20	6.00	6.29	7.08	7.00	7.44	6.77	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
33	DH71401438	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	D14_KD03													7.00	7.10		6.20	7.95	5.00	6.80	7.94		7.56	7.25	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
34	DH71401468	Nguyễn Chánh	Trung	D14_KD03													6.79	5.50		5.20	5.75	4.00	3.80	5.43	2.67	2.79	5.22	90/123	34/46	CCHV_2			CCHV	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
35	DH71401472	Trần Tất Minh	Trung	D14_KD03													5.71	4.85		4.95	4.60		3.40	4.55	3.20	4.19	4.87	81/123	31/46				ĐẠT	DH14
36	DH71401633	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	D14_KD03													5.21	5.75	6.00	4.60	5.75	4.00	3.59	4.48	5.33	4.14	5.17	100/123	38/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

TP. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_KD04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71400049	Vương Huỳnh	Anh	D14_KD04													6.50	6.15		5.35	7.45		5.67	6.25	8.00	6.21	6.54	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
2	DH71400007	Dương Ngọc	Ân	D14_KD04													5.50	5.55	4.00	5.55	5.43	5.00	6.00	4.48	6.00	5.88	5.91	116/123	43/46				ĐẠT	DH14
3	DH71401790	Hồ Quốc	Bảo	D14_KD04													5.50	3.65	0.00	4.40	4.83	5.20	4.20	5.48	4.50	4.89	5.29	109/123	41/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400097	Trần Quốc	Cường	D14_KD04													6.00	4.35		4.20			3.00	1.53	0.00	0.09	3.18	42/123	16/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH14
5	DH71401753	Lê Thị Hồng	Duyên	D14_KD04													7.21	7.40		7.05	7.43		5.67	7.05		6.88	7.12	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400141	Ngô Nguyễn T Thùy	Dương	D14_KD04													6.00	4.90		5.32	5.68	6.00	4.85	6.47	7.00	5.44	6.01	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
7	DH71401680	Huỳnh Chí	Đạt	D14_KD04													7.14	6.25		6.30	6.61		5.60	7.37	6.00	7.13	6.73	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
8	DH71400331	Tô Thế	Hải	D14_KD04													7.50	6.70		6.87	6.91	8.00	6.38	5.11	8.00	6.69	6.94	125/123	47/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400387	Ngô Sĩ	Hiệp	D14_KD04													5.50	3.25	0.00	3.40	3.60	5.88	1.96	1.38	5.67	4.92	4.35	65/123	24/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400458	Phạm Đặng Ngọc Mộng	Hòa	D14_KD04													6.64	6.90		7.25	7.22		6.83	7.79		7.85	7.28	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400580	Huỳnh Thị Bích	Lê	D14_KD04													5.86	5.85	8.00	5.70	7.05	6.00	6.00	6.44	5.00	6.69	6.45	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400624	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D14_KD04													5.93	4.55	6.00	4.81	5.76	6.00	5.57	5.14	6.50	6.54	6.03	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
13	DH71400637	Ngô Thị Hồng	Loan	D14_KD04													7.14	6.35		7.10	6.22		6.33	6.63		7.38	6.82	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400654	Trần Nguyễn Thành	Long	D14_KD04													6.86	6.15		6.30	7.11		6.50	5.43	6.50	6.86	6.77	126/123	47/46				ĐẠT	DH14
15	DH71400652	Trương Hữu	Long	D14_KD04													5.64	6.60		6.10	7.05	5.00	5.00	6.05	5.00	5.69	6.21	120/123	44/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400745	Phùng Nhật	Nam	D14_KD04													5.64	5.10	6.00	5.14	5.04	6.50	5.57	5.85	7.00	6.25	6.08	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
17	DH71400789	Nguyễn Thị Việt	Nga	D14_KD04													6.21	6.00		5.65	6.95	6.00	5.67	6.58		6.56	6.38	124/123	46/46			KoDKMH	TDUNG	DH14
18	DH71400771	Phan Tô Kim	Ngân	D14_KD04													5.64			5.43	6.41	5.00	4.91	5.39	6.00	4.16	5.64	111/123	43/46				ĐẠT	DH14
19	DH71400793	Du Mỹ	Ngọc	D14_KD04													6.79	6.55	7.00	7.50	7.14		6.00	5.92		7.81	6.93	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
20	DH71400840	Ngô Thị Bình	Nguyên	D14_KD04													6.93	6.25		7.26	6.86	6.00	6.00	6.43	6.50	7.81	6.97	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
21	DH71400956	Nguyễn Đình	Phương	D14_KD04													6.29	5.45		4.80	6.20	6.00	5.17	6.27	6.50	6.78	6.25	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
22	DH71401056	Nguyễn Như	Quỳnh	D14_KD04													5.86	4.80		4.85	5.88	5.00	5.43	5.90	6.50	6.08	5.90	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
23	DH71401135	Hồ Ngọc Tấn	Tài	D14_KD04													7.64	6.30		5.90	6.90	6.00	4.60	6.63	5.50	6.25	6.52	122/123	45/46				ĐẠT	DH14
24	DH71401236	Nguyễn Hoàng Thiên	Thanh	D14_KD04													6.14	5.50	5.00	6.05	6.77	6.50	6.50	6.26	3.00	6.44	6.50	130/123	48/46				ĐẠT	DH14
25	DH71401200	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D14_KD04													5.43	6.00	6.00	5.55	7.10	6.00	5.50	7.13	8.00	8.25	6.72	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
26	DH71401215	Hứa Hiếu	Thắng	D14_KD04													6.50	7.00	6.00	6.52	7.53	6.00	5.50	6.29	7.00	7.44	6.97	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
27	DH71401231	Đặng Kim	Thọ	D14_KD04													5.57	4.95		4.80	4.46	4.00	1.17	2.65	2.50	4.08	4.33	73/123	28/46				ĐẠT	DH14
28	DH71401264	Nguyễn Đào	Thúy	D14_KD04													5.86	6.45	6.00	6.00	6.83	5.00	5.40	6.42	6.00	7.44	6.64	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
29	DH71401155	Lý Minh	Thư	D14_KD04													6.14	7.00		6.85	7.05		5.67	6.60	9.00	7.38	6.81	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
30	DH71401315	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	D14_KD04													6.14	6.80		6.35	7.00		5.60	7.22	8.00	8.06	6.89	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
31	DH71401325	Vũ Nguyễn Cẩm	Tiên	D14_KD04													6.00	5.35	7.00	5.78	6.55	6.50	6.00	6.69	6.00	6.54	6.35	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
32	DH71401401	Nguyễn Thái	Trang	D14_KD04													6.07	6.25		6.95	7.10		6.67	7.47		7.92	6.90	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
33	DH71401402	Nguyễn Thị ái	Trang	D14_KD04													6.21	5.60		5.20	6.00	3.00	4.50	5.52	7.00	6.84	6.05	111/123	42/46				ĐẠT	DH14
34	DH71401440	Phạm Hoàng Phương	Trinh	D14_KD04													6.29	6.50	7.00	5.85	6.25	5.00	5.50	6.33	6.00	7.63	6.51	122/123	45/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ I (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
35	DH71401441	Phạm Thị	Trinh	D14_KD04													6.57	6.85		6.15	7.10		5.65	6.72	6.00	7.75	6.80	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
36	DH71401461	Võ Mộng	Trúc	D14_KD04													6.36	5.85	8.00	5.39	6.00	5.00	5.29	5.10	6.33	6.19	6.24	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
37	DH71401528	Trần Lê Minh	Tuyền	D14_KD04													6.43	5.90		5.65	5.70	5.00	4.33	5.11	6.00	6.79	6.02	114/123	43/46				ĐẠT	DH14
38	DH71401519	Nguyễn Trọng	Tuyển	D14_KD04													6.50	6.80	7.00	5.90	6.80		6.33	7.27		7.63	6.76	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
39	DH71401556	Dương Thị Vỹ	Vương	D14_KD04													6.00	5.75		5.50	6.75	4.00	5.50	6.59	7.00	7.32	6.56	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
40	DH71401767	Nguyễn Ngọc	Xuyến	D14_KD04													7.29	6.50		6.40	7.17	7.00	6.20	6.89	7.00	7.00	7.04	124/123	46/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_MAR01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71401713	Trần Thị Lan	Anh	D14_MAR01													6.64	6.50		6.05	6.35	4.00	6.00	7.00	6.00	7.12	6.69	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
2	DH71400156	Huỳnh Ngọc	Diễm	D14_MAR01													6.21	6.60		5.95	6.90	5.00	6.40	7.05		7.88	6.79	123/124	45/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400166	Bùi Văn	Dũng	D14_MAR01													6.14	6.15		6.80	6.15	4.00	5.80	7.15	8.00	7.35	6.80	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400234	Tạ Huỳnh	Đạt	D14_MAR01													5.86	5.95	4.00	5.95	6.20	5.00	5.20	7.16	8.00	7.53	6.58	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400236	Vương Quốc	Đạt	D14_MAR01													6.79	5.85		6.00	4.95	4.00	6.00	7.17	6.00	6.41	6.47	122/124	45/46				ĐẠT	DH14
6	DH71401755	Vương Tiến	Đức	D14_MAR01													7.14	7.67		7.55	7.35	8.00	7.40	8.26		8.41	7.73	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
7	DH71400339	Bá Thụy Thiện	Hạnh	D14_MAR01													7.14	6.80		6.45	7.05	5.00	5.60	6.60	7.50	6.88	6.90	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
8	DH71400349	Trần Trần Mỹ	Hạnh	D14_MAR01													5.07	4.15	6.00	4.55	5.00	4.00	4.12	6.08	5.67	5.26	5.55	111/124	41/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400279	Dương Thị Ngọc	Hân	D14_MAR01													7.36	7.35		7.10	7.85		5.60	7.50	9.00	8.41	7.47	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400476	Lý Gia	Huy	D14_MAR01													5.79	6.20		6.60	6.40	5.00	5.20	6.62	6.50	6.94	6.48	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400497	Lại Thị Thu	Huyền	D14_MAR01													4.71	4.65	0.00	4.20	4.55	6.67	4.43	5.70	6.33	6.68	5.64	110/124	40/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400288	Đỗ Ngọc Thanh	Hương	D14_MAR01													6.93	7.00		6.15	6.60	4.00	4.80	6.90	6.00	7.06	6.74	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
13	DH71401697	Nguyễn Thị	Hương	D14_MAR01													6.86	6.00		6.20	6.60	6.00	5.60	7.33	8.00	7.53	6.90	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400512	Trần Ngọc	Khánh	D14_MAR01													6.43	5.80		6.25	6.40	4.50	5.40	7.30	6.00	7.06	6.54	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
15	DH71400671	Hoàng Thị Thanh	Mai	D14_MAR01													7.29	7.30		6.55	7.40		6.60	7.79		7.71	7.24	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400733	Huỳnh Thanh	Nam	D14_MAR01													5.82	4.45		6.35	5.65	4.00	5.20	5.20	5.67	5.35	5.57	119/124	47/46				ĐẠT	DH14
17	DH71400768	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	D14_MAR01													5.36	5.50	4.00	4.80	5.45	5.00	4.67	6.48	6.50	6.41	6.06	121/124	45/46				ĐẠT	DH14
18	DH71400999	Nguyễn Hoàng	Phúc	D14_MAR01													6.71	5.35	0.00	6.15	5.55	4.00	5.15	6.65	7.00	7.00	6.43	119/124	44/46				ĐẠT	DH14
19	DH71401045	Huỳnh Nhật	Quang	D14_MAR01													6.00	5.65	6.00	5.60	5.60	5.00	5.20	6.55	6.00	6.29	5.98	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
20	DH71401035	Khua Tố	Quân	D14_MAR01													6.00	4.95	5.00	5.00	5.91		5.50	6.91	6.00	6.95	6.34	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
21	DH71401064	Nguyễn Thị Ngọc	Quí	D14_MAR01													7.21	7.50		6.60	6.85	5.00	5.50	7.06	6.00	7.50	7.06	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
22	DH71401069	Nguyễn Hoàng Ngọc	Quyên	D14_MAR01													7.64	7.25		6.90	8.00		6.60	8.11	5.00	7.41	7.46	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
23	DH71401103	Nguyễn Thị Kim	Sen	D14_MAR01													5.79			7.20	6.56		6.78	6.18	8.00	6.20	6.67	87/124	32/46				ĐẠT	DH14
24	DH71401152	Bùi Ngô Anh	Thư	D14_MAR01													6.14	6.15		5.55	6.20	5.86	5.86	6.35	8.00	7.06	6.40	129/124	47/46				ĐẠT	DH14
25	DH71401157	Nguyễn Anh	Thư	D14_MAR01													5.57	5.30	5.00	5.20	5.00	4.50	5.60	5.91	7.00	7.05	5.98	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
26	DH71401338	Trần Minh	Tiến	D14_MAR01													5.64	5.40	6.00	5.13	5.84	5.00	6.15	6.18	5.00	6.59	6.16	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
27	DH71401459	Phan Nhã	Trúc	D14_MAR01													6.79	6.55		6.30	6.60	4.00	6.00	6.90	7.50	6.94	6.75	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
28	DH71401527	Phạm Thị Mộng	Tuyền	D14_MAR01													6.79	6.95		6.40	6.75	6.00	6.50	6.82	5.00	7.18	6.83	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
29	DH71401529	Trần Lê Thanh	Tuyền	D14_MAR01													6.14	5.90		5.85	6.45	4.00	5.60	6.88	6.50	6.94	6.57	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
30	DH71401568	Nguyễn Thái	Vinh	D14_MAR01													6.00	4.70	5.00	4.75	4.15	3.00	4.85	6.00	0.00	5.05	5.40	101/124	37/46				ĐẠT	DH14
31	DH71401628	Hồ Ngọc	Yến	D14_MAR01													6.64	6.00		5.35	5.64	5.00	4.80	6.00		5.45	5.90	121/124	44/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																					TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
32	DH71401632	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	D14_MAR01													5.86	5.25	5.50	4.55	5.65	4.50	4.47	6.14	5.50	6.25	5.89	121/124	45/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	★ PGS. TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_MAR02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71400012	Cao Thị Mỹ	An	D14_MAR02													5.64	4.95		4.65	4.91	5.00	3.91	5.69	3.83	4.38	5.33	103/124	38/46				ĐẠT	DH14
2	DH71401784	Nguyễn Thị Lan	Anh	D14_MAR02													5.29	4.75	2.00	4.75	5.50	5.60	4.50	6.10	5.67	5.88	5.72	115/124	42/46				ĐẠT	DH14
3	DH71401638	Nguyễn Ngân	Điền	D14_MAR02													5.71	5.25		5.13	5.26		4.80	6.46	4.00	4.76	6.01	108/124	40/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400388	Nguyễn Hoàng	Hiệp	D14_MAR02													5.64	5.95	8.00	5.70	5.90	0.00	5.14	6.00		6.88	6.10	120/124	44/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400389	Nguyễn Thị Khánh	Hiệp	D14_MAR02													6.57	6.80		6.61	6.55		6.29	7.00		7.45	6.69	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400361	Võ Thị Phượng	Hồng	D14_MAR02													6.21	5.35		5.05	5.65	4.00	4.17	6.22	5.50	5.80	5.82	116/124	42/46				ĐẠT	DH14
7	DH71400293	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	D14_MAR02													6.14	6.30		5.15	6.50	4.00	5.83	6.55	7.50	7.94	6.68	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
8	DH71401686	Lê Ngọc ý	Lan	D14_MAR02													6.50	5.50		4.70	5.40	8.00	4.20	6.09	8.00	7.35	6.19	119/124	44/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400650	Nguyễn Hoàng	Long	D14_MAR02													6.79	6.50		6.55	6.45		5.83	6.28	6.00	6.86	6.49	121/124	45/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400593	Nguyễn Cao Hồng	Lộc	D14_MAR02													6.86	6.20	5.00	5.50	5.40	3.00	4.80	6.68	5.67	5.26	6.21	111/124	41/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400728	Văn Thanh Hải	My	D14_MAR02													6.00	5.45		5.45	5.12	5.00	5.67	7.05	5.00	6.65	6.40	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400744	Phan Bảo Kỳ	Nam	D14_MAR02													7.71	7.10		6.58	6.83	4.00	5.25	7.00		5.07	6.51	114/124	42/46				ĐẠT	DH14
13	DH71400769	Phạm Thị Diễm	Ngân	D14_MAR02													6.14	5.95		5.55	6.80	5.00	6.17	6.60	6.50	7.21	6.51	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400814	Phạm Trần Xuân	Nghi	D14_MAR02													5.79	5.80		6.15	7.00	5.00	6.00	6.48	6.00	7.06	6.50	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
15	DH71400880	Quan Thiện	Nhân	D14_MAR02													5.64	6.00		4.24	4.70	4.25	2.35	5.85	5.00	6.43	5.88	119/124	43/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400853	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	D14_MAR02													6.29	6.55		5.55	6.60	5.00	5.60	6.84	7.00	6.90	6.54	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
17	DH71401700	Nguyễn Trúc	Như	D14_MAR02													5.71	5.60		5.75	6.65	4.00	6.67	6.86	7.00	7.00	6.44	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
18	DH71401005	Phan Hoàng	Phúc	D14_MAR02													5.71	5.50		4.50	4.60	2.00	1.60	3.86	4.00	5.05	4.63	69/124	26/46				ĐẠT	DH14
19	DH71401233	Lê Xuân	Thọ	D14_MAR02													7.14	6.75		6.55	6.80	7.00	5.83	7.42	0.00	7.05	6.98	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
20	DH71401270	Đinh Thị Diễm	Thúy	D14_MAR02													3.57	4.55	2.00	3.19	3.59			2.82	0.40	5.38	4.18	54/124	20/46				ĐẠT	DH14
21	DH71401738	Nguyễn Thị Hoàng	Thư	D14_MAR02													5.43	4.95		3.96	4.64	5.00	3.71	5.19	4.00	6.15	5.34	112/124	41/46				ĐẠT	DH14
22	DH71401330	Huỳnh Thị Hồng	Tiền	D14_MAR02													6.86	6.95		6.85	7.10		6.00	6.85	8.00	7.86	7.09	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
23	DH71401376	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D14_MAR02													5.43	5.10	6.00	5.30	5.45	2.00	5.57	6.88	4.50	5.45	6.06	117/124	43/46				ĐẠT	DH14
24	DH71401387	Nguyễn Thị Huyền	Trân	D14_MAR02													5.86	5.95		3.83	5.70	4.00	3.20	5.67	7.00	3.50	5.35	100/124	37/46	CCHV_2			CCHV	DH14
25	DH71401460	Trần Hồ Xuân	Trúc	D14_MAR02													6.29	6.25		5.90	6.28		6.33	7.15	7.00	6.86	6.70	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
26	DH71401514	Dương Gia	Tuệ	D14_MAR02													5.93	4.45	4.00	4.35	5.25	4.00	4.40	5.61		4.65	5.02	76/124	29/46				ĐẠT	DH14
27	DH71401329	Trần Ngọc	Tùng	D14_MAR02													5.86	5.10		4.57	5.50	6.00	2.86	4.54	4.33	5.15	5.62	105/124	39/46				ĐẠT	DH14
28	DH71401664	Châu Gia	Vân	D14_MAR02													6.14	6.50	6.00	5.60	6.45	4.00	5.80	6.95	6.00	6.82	6.48	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
29	DH71401553	Lê Mộng Tuyết	Vân	D14_MAR02													6.71	6.70		6.30	6.90	7.00	6.00	7.06		7.35	6.78	126/124	46/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
30	DH71401666	Phạm Tấn	Việt	D14_MAR02													6.43	5.85	0.00	4.85	5.95	3.80	4.60	5.85	4.33	5.04	5.86	104/124	39/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_MAR03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71400002	Lê Thanh Diệu	ái	D14_MAR03													5.36	4.60	6.00	5.35	5.59	3.00	5.20	6.70	7.50	6.94	6.21	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
2	DH71400066	Nguyễn Quốc	Bảo	D14_MAR03													6.14	5.15	7.00	4.60	5.50	6.00	5.17	5.44	5.00	7.63	6.32	116/124	43/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400076	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	D14_MAR03													6.86	6.45		6.60	6.85	6.00	5.86	6.58	5.00	6.82	6.65	122/124	45/46				ĐẠT	DH14
4	DH71401641	Hoàng Lê	Duẩn	D14_MAR03													5.64	5.60		4.90	4.05	6.00	5.20	6.00	2.00	4.88	5.33	102/124	38/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400176	Đặng Tú	Dung	D14_MAR03													6.00	6.50		5.75	6.10	4.00	6.00	6.71	7.00	7.35	6.50	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400201	Nguyễn Kỳ	Duyên	D14_MAR03													7.29	5.85		7.05	6.95	6.00	6.00	6.71	7.00	6.18	6.72	120/124	44/46				ĐẠT	DH14
7	DH71400144	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D14_MAR03													6.07	6.10		5.59	6.55	6.00	6.00	7.41	7.00	6.40	6.53	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
8	DH71400223	Huỳnh Phan Thế	Đạt	D14_MAR03													6.00	5.45		6.50	5.20		6.33	7.63	6.63	8.24	6.68	120/124	44/46				ĐẠT	DH14
9	DH71401668	Hồ Ngọc	Điệp	D14_MAR03													5.50	7.40	9.00	5.95	6.70	6.00	6.71	7.67	7.00	7.65	6.98	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400351	Võ Thị Mỹ	Hạnh	D14_MAR03													7.29	6.95		6.85	6.60	5.00	6.17	7.80		7.59	7.04	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400268	Cao Thị Thanh	Hằng	D14_MAR03													7.21	7.60		6.85	7.90		6.57	7.92		8.41	7.45	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400447	Tăng Huỳnh	Hoa	D14_MAR03													6.00	6.20		5.40	6.90	5.00	5.57	7.67	7.00	7.53	6.50	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
13	DH71400358	Trần Thị	Hồng	D14_MAR03													6.21	6.20		6.45	6.50		6.29	6.75	6.00	7.21	6.56	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400496	Lâm Mỹ	Huyền	D14_MAR03													7.07	6.25		6.00	6.20	5.00	4.33	6.28	5.00	6.05	6.24	121/124	45/46				ĐẠT	DH14
15	DH71400559	Vòng Chí	Kiên	D14_MAR03													6.71	6.75		5.65	5.95	5.00	4.20	5.94	6.50	4.82	5.99	115/124	43/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400613	Bùi Ngọc Khánh	Linh	D14_MAR03													5.86	4.25	0.00	4.85	3.80	3.50	1.60	2.20	5.67	5.87	4.51	79/124	29/46				ĐẠT	DH14
17	DH71401688	Phạm Thị	Lý	D14_MAR03													6.21	7.05		6.20	6.65		6.29	6.67	9.00	7.53	6.80	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
18	DH71400699	Nguyễn Văn	Minh	D14_MAR03													5.71	4.65	4.00	4.85	5.45	6.13	5.26	7.00	7.00	5.76	5.91	115/124	43/46				ĐẠT	DH14
19	DH71400711	Võ Nguyễn Quốc	Minh	D14_MAR03													5.64	5.40		4.65	5.30		4.20	5.90	3.33	3.65	5.12	92/124	35/46	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH14
20	DH71400730	Đặng Quốc	Nam	D14_MAR03													5.43	4.45	0.00	5.53	5.48	5.75	5.20	5.58	4.00	4.26	5.50	106/124	40/46				ĐẠT	DH14
21	DH71400766	Nguyễn Thị Thu	Ngân	D14_MAR03													6.00	4.75	0.00	5.00	5.50	5.38	4.57	6.75	7.50	7.18	6.38	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
22	DH71400772	Tăng Thị Kim	Ngân	D14_MAR03													6.21	5.85	2.00	5.70	4.83	3.00	3.00	4.52	0.00	3.00	5.21	85/124	32/46	CCHV_2			CCHV	DH14
23	DH71400810	Vũ Thị Kim	Ngọc	D14_MAR03													6.29	5.00	7.00	4.65	4.85	3.50	0.00	3.70		4.62	4.71	85/124	32/46				ĐẠT	DH14
24	DH71400883	Ngô Mỹ	Nhân	D14_MAR03													7.14	6.65		6.80	7.27		6.47	8.20		7.40	7.09	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
25	DH71400867	Võ Thị Huỳnh	Như	D14_MAR03													7.00	6.60		7.05	7.25	6.00	6.43	7.69	7.00	7.50	7.15	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
26	DH71400934	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	D14_MAR03													6.00	6.05		5.70	5.65	5.00	4.67	6.09	4.00	6.00	6.02	121/124	45/46				ĐẠT	DH14
27	DH71400947	Trần Tiến	Phát	D14_MAR03													6.79	5.45		5.95	5.83	6.00	4.67	6.41	6.50	6.35	6.30	118/124	44/46				ĐẠT	DH14
28	DH71401068	Nguyễn Hoàng	Quyên	D14_MAR03													6.29	5.80	6.00	6.00	6.39	5.00	5.71	7.58	6.00	7.00	6.58	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
29	DH71401074	Võ Thị Tuyết	Quyên	D14_MAR03													7.07	7.05		7.05	7.10		6.00	7.42	8.00	7.41	7.06	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
30	DH71401077	Mai Xuân	Sâm	D14_MAR03													5.29	4.75	4.50	5.79	4.52	4.25	3.80	5.11	3.00	4.46	5.01	88/124	33/46				ĐẠT	DH14
31	DH71401250	Ngô Thị Mai	Thi	D14_MAR03													5.57	5.95		6.45	6.65		5.57	6.83	6.50	6.00	6.36	121/124	45/46				ĐẠT	DH14
32	DH71401743	Nguyễn Chung	Toàn	D14_MAR03													6.43	5.45		5.15	5.10	4.00	3.56	3.60	0.00	0.00	4.31	84/124	32/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH14
33	DH71401522	Lâm Mộng	Tuyền	D14_MAR03													5.36	5.95	6.00	6.15	6.80	5.50	6.14	7.33	6.00	7.88	6.66	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
34	DH71401550	Trần Quốc	Văn	D14_MAR03													5.93	5.30		5.85	6.20	5.00	5.43	6.42	6.00	5.82	5.90	121/124	45/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ I (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
				101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
35	DH71401621	Nguyễn Lâm Như ý	D14_MAR03													6.93	7.20		6.65	6.64	5.00	5.89	7.00	6.00	7.40	6.88	125/124	46/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_MAR04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71400045	Phạm Quang Huỳnh	Anh	D14_MAR04													6.86	6.87		5.43	6.48	6.00	5.59	7.15	6.50	6.59	6.74	120/124	44/46				ĐẠT	DH14
2	DH71400047	Trần Thị Trâm	Anh	D14_MAR04													5.86	5.45		6.05	5.52	6.00	5.50	6.16		6.45	6.06	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400106	Ngô Ngọc Thanh	Châu	D14_MAR04													7.64	6.55		6.35	6.95		5.00	7.85	7.50	7.88	7.12	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400118	Bùi Thị Mỹ	Chi	D14_MAR04													6.21	4.85	6.00	5.15	6.14	4.50	4.17	5.84	7.33	6.35	6.07	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400160	Võ Thị Mỹ	Diễm	D14_MAR04													6.29	6.95		7.05	7.80		6.86	8.00		7.07	7.17	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400162	Võ Thị Vy	Diệu	D14_MAR04													7.14	6.60		5.45	6.39	5.00	5.50	6.86	6.00	6.82	6.46	123/124	45/46				ĐẠT	DH14
7	DH71400171	Phan Quốc	Dũng	D14_MAR04													6.71	5.70		5.15	5.52	6.00	4.50	6.52	7.50	5.96	6.26	120/124	44/46				ĐẠT	DH14
8	DH71400336	Phạm Thanh Đan	Hà	D14_MAR04													5.93	5.15	6.00	6.15	6.10	5.00	4.67	6.90	5.00	7.13	6.47	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400270	Nguyễn Ngọc Thanh	Hằng	D14_MAR04													5.71	5.15	4.00	5.60	5.76	3.88	5.05	6.09	5.33	6.06	5.99	119/124	44/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400273	Phan Thị	Hằng	D14_MAR04													6.07	5.00		5.40	4.86	4.00	4.83	6.23	4.33	6.04	5.86	120/124	44/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400286	Phan Thị Bảo	Hân	D14_MAR04													6.86	4.60		5.25	4.85	3.00	4.20	6.12	5.13	6.75	6.02	118/124	43/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400287	Võ Thị	Hân	D14_MAR04													6.07	6.20	7.00	6.52	5.91		5.67	7.13	6.50	6.88	6.58	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
13	DH71400297	Nguyễn Võ Thiên	Hương	D14_MAR04													4.07	3.35	5.00	5.38	4.87	0.00	4.65	4.60	4.25	4.60	5.28	101/124	37/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400521	Trần Ngọc	Khải	D14_MAR04													5.43	2.10	0.00	5.48	4.56	5.75	2.85	5.61		0.00	4.25	77/124	28/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH14
15	DH71400551	Trần Nguyễn Tuấn	Khoa	D14_MAR04													6.71	5.45		4.85	5.60	4.00	4.17	6.32	5.00	5.60	5.75	110/124	41/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400557	Phạm Thành	Khuyên	D14_MAR04													7.00	6.45		6.45	6.65		6.42	7.37		7.71	6.94	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
17	DH71400578	Thái Thị Thanh	Lành	D14_MAR04													6.50	5.25		6.45	6.59	5.00	5.83	7.56	7.00	7.35	6.70	124/124	46/46				ĐẠT	DH14
18	DH71400581	Nguyễn Thùy	Lê	D14_MAR04													5.42	4.91	2.00	5.76	6.20	5.20	4.83	6.13	4.00	5.40	5.98	114/124	42/46				ĐẠT	DH14
19	DH71400663	Tất Diệu	Luân	D14_MAR04													5.71	4.90		6.15	5.52	5.00	4.67	5.94	6.00	6.45	5.97	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
20	DH71400664	Thi Hải	Luân	D14_MAR04													6.43	5.25		5.60	6.00	5.00	4.20	6.37	6.67	6.24	6.05	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
21	DH71400706	Trương Hoàng	Minh	D14_MAR04													6.79	4.60		5.10	6.09	6.00	4.80	7.41	7.00	7.00	6.52	123/124	45/46				ĐẠT	DH14
22	DH71400747	Vũ Trần Phương	Nam	D14_MAR04													6.93	6.65		6.10	7.04	5.00	6.14	7.50		8.29	6.89	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
23	DH71400775	Trần Bảo	Ngân	D14_MAR04													5.57	4.25	3.00	5.20	5.52	6.20	3.83	6.42	6.00	5.95	5.87	117/124	43/46				ĐẠT	DH14
24	DH71400781	Văn Thị Thu	Ngân	D14_MAR04													6.07	4.90		5.50	6.46	5.50	5.00	7.00	7.50	7.30	6.46	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
25	DH71400800	Nguyễn Hồng	Ngọc	D14_MAR04													7.21	7.00		7.30	7.30		6.40	8.00		7.53	7.28	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
26	DH71401676	Trần Thy Thảo	Ngọc	D14_MAR04													5.71	5.00	5.00	5.95	6.12	5.00	4.50	6.11	5.00	5.95	6.08	115/124	42/46				ĐẠT	DH14
27	DH71400901	Nguyễn Thục	Nhi	D14_MAR04													6.71	7.55		7.45	7.20		6.20	7.20	5.00	6.76	7.13	123/124	45/46				ĐẠT	DH14
28	DH71400908	Phạm Thị Tuyết	Nhi	D14_MAR04													5.64	5.50	0.00	6.10	6.65	7.00	6.20	7.35	6.00	7.24	6.52	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
29	DH71400909	Thiều Yến	Nhi	D14_MAR04													5.86	4.35	0.00	4.35	4.70	4.50	2.80	5.45	6.36	5.56	5.63	110/124	40/46				ĐẠT	DH14
30	DH71400951	Huỳnh Kim Anh	Phương	D14_MAR04													6.43	5.45		5.15	6.50	4.00	3.83	5.14	7.33	6.15	6.02	117/124	43/46				ĐẠT	DH14
31	DH71401106	Dương Chi	Tâm	D14_MAR04													7.07	6.00		6.00	5.87	6.00	5.20	7.21	6.00	7.00	6.58	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
32	DH71401105	Đinh Minh	Tâm	D14_MAR04													5.57	4.50	1.00	4.90	4.16	5.00	4.33	5.58	3.50	4.58	5.27	97/124	37/46				ĐẠT	DH14
33	DH71401240	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	D14_MAR04													6.07	5.90		6.30	6.75	5.00	5.67	6.56	6.00	6.65	6.34	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
34	DH71401704	Nguyễn Phương	Thảo	D14_MAR04													6.57	6.15		5.70	6.95	5.50	2.80	6.17	7.00	6.10	6.40	121/124	45/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
35	DH71401259	Nguyễn Minh	Thiện	D14_MAR04													7.79	7.85		7.65	7.75		7.60	8.00		8.41	7.86	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
36	DH71401268	Nguyễn Thị	Thoại	D14_MAR04													5.86	5.45	6.00	5.25	6.23	6.00	4.40	7.18	6.50	7.59	6.56	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
37	DH71401181	Võ Thị Phương	Thương	D14_MAR04													6.64	6.45		6.81	7.35		6.57	7.71	7.00	7.29	7.13	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
38	DH71401309	Nguyễn Nhật	Tiền	D14_MAR04													6.36	5.75		6.15	5.77		4.36	6.06		6.20	5.91	118/124	44/46				ĐẠT	DH14
39	DH71401404	Nguyễn Thị Minh	Trang	D14_MAR04													7.29	7.15		7.10	6.90		6.40	7.53	8.00	7.88	7.30	125/124	46/46				ĐẠT	DH14
40	DH71401407	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D14_MAR04													5.71	5.60		5.48	6.04	4.00	4.83	6.38	5.00	6.50	6.11	121/124	45/46				ĐẠT	DH14
41	DH71401371	Hoàng Thị Quỳnh	Trâm	D14_MAR04													5.21	5.20	5.00	5.80	6.40	7.00	4.86	6.05	6.50	5.07	5.86	119/124	44/46				ĐẠT	DH14
42	DH71401372	Lê Hoài Bích	Trâm	D14_MAR04													5.79	5.05	6.00	4.60	5.20	5.00	1.80	3.92	7.00	5.74	5.53	107/124	39/46				ĐẠT	DH14
43	DH71401384	Lê Ngọc Bảo	Trân	D14_MAR04													6.79	6.70		6.50	7.25	8.00	7.00	7.82		7.88	7.21	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
44	DH71401342	Hồ Anh	Tú	D14_MAR04													6.43	6.65		6.10	4.61	7.00	3.38	6.56	6.33	4.25	6.20	113/124	42/46				ĐẠT	DH14
45	DH71401357	Võ Thị Cẩm	Tú	D14_MAR04													6.86	5.45		5.50	5.95	5.00	4.40	7.00	6.67	6.94	6.39	126/124	46/46				ĐẠT	DH14
46	DH71401545	Hồ Thái Phương	Uyên	D14_MAR04													6.93	6.15		5.60	5.60	5.00	5.00	6.78	4.00	5.35	6.28	120/124	44/46				ĐẠT	DH14
47	DH71401608	Phan Ngọc Tường	Vy	D14_MAR04													6.07	5.00	6.00	5.00	6.15	4.50	4.71	4.50	3.67	5.65	5.66	119/124	44/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_TC01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71401712	Phạm Trâm	Anh	D14_TC01													7.21	5.75		6.50	7.39	5.50	5.14	6.56	0.00	7.05	6.76	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
2	DH71400062	Huỳnh Quốc	Bảo	D14_TC01													4.71	3.90	0.00	3.75	5.50	0.00	3.71	4.11	0.00	4.05	4.43	63/123	23/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400075	Châu Thụy Ngọc	Bích	D14_TC01													6.50	5.50		6.30	5.45		3.71	6.17	4.33	4.61	5.84	108/123	41/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400108	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	D14_TC01													7.29	6.00		6.45	7.27		6.29	7.00	8.00	7.71	7.02	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400121	Ngô Quế	Chi	D14_TC01													5.86	6.55		5.82	6.75	4.00	5.71	6.33	6.00	5.59	6.30	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400098	Võ Minh	Cường	D14_TC01													6.00	6.90		6.35	7.20	6.00	7.36	7.06		7.59	6.98	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
7	DH71401776	Nguyễn Thị Mai	Duyên	D14_TC01													6.21	6.85		5.59	6.60	5.00	5.50	6.44	7.50	6.59	6.62	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
8	DH71400209	Võ Nguyễn Khánh	Dy	D14_TC01													6.93	6.50	3.00	5.95	5.68		4.45	5.80	5.38	5.00	6.03	111/123	42/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400281	Nguyễn Bảo	Hân	D14_TC01													6.14	6.00		6.00	6.90	6.00	5.93	5.33	7.80	7.71	6.56	117/123	44/46				ĐẠT	DH14
10	DH71302116	Trương Quốc	Huy	D14_TC01																6.95	7.35		6.79	7.89	7.00	7.35	7.31	114/123	43/46				CB_TGIAN	DH13
11	DH71401723	Lê Viết	Khánh	D14_TC01													6.21	6.25		5.26	5.85	4.00	6.00	5.50	0.50	1.19	5.40	93/123	35/46	CCHV_1			CCHV	DH14
12	DH71400603	Võ Thị Mỹ	Liên	D14_TC01													6.79	6.65		6.40	7.50	5.00	7.79	8.00	9.00	7.88	7.37	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
13	DH71401756	Danh Chúc	Linh	D14_TC01													7.21	6.70		6.80	7.59		8.14	8.06		8.41	7.58	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400642	Cao Nguyễn Tiểu	Long	D14_TC01													7.57	6.55		6.20	6.50	5.00	4.83	6.63	8.00	6.56	6.65	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
15	DH71401650	Trần Thị Huỳnh	Mai	D14_TC01													7.36	6.85		7.25	7.55	4.00	7.00	6.83	8.00	7.18	7.24	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
16	DH71302112	Phạm Thị Thanh	Mến	D14_TC01													5.16	4.64	7.00	4.21	3.07	3.00	5.67	6.30	7.00	7.06	6.10	120/123	45/46				CB_TGIAN	DH13
17	DH71400777	Trần Thị Tuyết	Ngân	D14_TC01													6.50	5.85		6.10	6.55	5.50	4.93	5.50	6.50	6.00	6.28	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
18	DH71400778	Trần Tuyết	Ngân	D14_TC01													6.43	5.05		6.05	5.88	5.00	5.71	5.60	4.00	5.29	5.93	108/123	41/46				ĐẠT	DH14
19	DH71400812	Nguyễn Thảo	Nghi	D14_TC01													6.64	6.10		6.25	6.80	5.00	7.00	7.37		7.53	6.86	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
20	DH71400806	Quách Hồng	Ngọc	D14_TC01													7.00	7.00		7.10	7.65	4.00	8.36	8.44	10.00	8.59	7.85	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
21	DH71401651	Trần Lê Bảo	Ngọc	D14_TC01													8.14	7.65		6.65	6.80		7.13	7.61		6.60	7.20	122/123	46/46				ĐẠT	DH14
22	DH71400881	Trần Thiện	Nhân	D14_TC01													5.71	5.65		3.87	5.85	4.00	4.71	5.65	1.00	5.10	5.46	105/123	40/46				ĐẠT	DH14
23	DH71400917	Bùi Thị Tuyết	Nhung	D14_TC01													6.50	5.95		6.15	6.60		5.14	5.94	6.00	6.47	6.20	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
24	DH71400860	Trần Đăng Gia	Như	D14_TC01													5.93	4.45		4.24	2.00	4.29	0.43	1.90		0.78	2.91	41/123	15/46	CB_BTH_1			CB_BTH	DH14
25	DH71400943	Phạm Thành	Phát	D14_TC01													6.29	6.10	6.00	5.80	6.15	6.00	6.14	6.28		6.65	6.27	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
26	DH71400955	Ngô Thị Tây	Phương	D14_TC01													6.50	5.95		5.80	6.55	5.00	5.53	6.72	6.00	5.80	6.25	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
27	DH71401052	Võ Trần Minh	Quốc	D14_TC01													6.64	6.00		6.00	6.40	4.50	6.00	6.50	7.00	6.65	6.40	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
28	DH71401070	Nguyễn Thụy Hoàng	Quyên	D14_TC01													6.29	5.45		4.86	5.30		4.29	4.61	7.00	6.15	5.67	107/123	40/46				ĐẠT	DH14
29	DH71401113	Nguyễn Thị Băng	Tâm	D14_TC01													5.50	6.00		5.91	7.20	5.00	6.07	6.44	6.50	6.06	6.50	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
30	DH71401120	Trần Thanh	Tâm	D14_TC01													7.29	6.65		6.20	6.60		6.64	6.00		6.53	6.53	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
31	DH71401251	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	D14_TC01													6.79	5.70		5.95	6.23	5.00	5.80	6.17	6.00	5.64	6.21	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
32	DH71401179	Cao Ngọc Huyền	Thơ	D14_TC01													5.93	5.25		4.57	5.41		2.16	5.57	6.50	3.85	5.38	98/123	37/46	CCHV_2			CCHV	DH14
33	DH71401265	Nguyễn Thị Thu	Thủy	D14_TC01													5.43	5.25	5.00	5.52	5.55	2.00	4.93	6.00	5.82	6.71	5.98	116/123	43/46				ĐẠT	DH14
34	DH71401301	Trần Thị Mai	Thy	D14_TC01													6.93	6.60		6.32	6.80	5.50	6.79	6.83		6.47	6.80	123/123	46/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
35	DH71401316	Phạm Thị Đào	Tiên	D14_TC01													6.29	6.45	6.00	6.60	6.65		5.50	6.06	7.80	7.06	6.61	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
36	DH71401386	Nguyễn Ngọc	Trân	D14_TC01													7.64	6.70		7.05	7.20		6.33	7.28		6.40	6.95	122/123	46/46				ĐẠT	DH14
37	DH71401661	Nguyễn Thành	Trung	D14_TC01													5.07	4.15		3.73	3.00		2.25	4.65		5.24	4.76	81/123	31/46				ĐẠT	DH14
38	DH71401496	Lê Hoàng	Tuấn	D14_TC01													6.57	6.40		6.60	6.15		5.71	6.39	7.00	6.53	6.45	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
39	DH71401507	Nguyễn Thành	Tuấn	D14_TC01													5.79	5.85	5.00	5.55	6.05	5.50	5.50	5.78	6.00	5.18	5.89	114/123	43/46				ĐẠT	DH14
40	DH71401623	Phạm Gia	Yên	D14_TC01													5.79	5.45		5.95	6.20	5.00	5.14	6.06	5.63	5.41	5.94	123/123	46/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018
BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_TC02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71401783	Vi Đình	Bảo	D14_TC02													6.36	7.60		6.57	7.30		7.00	6.93		5.82	6.89	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
2	DH71400052	Dương Kim	Bình	D14_TC02													6.07	6.50		4.96	6.75	6.00	4.59	6.58	6.00	6.80	6.50	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400199	Lê Ngọc Minh	Duyên	D14_TC02													6.29	6.50		6.15	6.60	5.00	5.93	6.50		6.41	6.38	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
4	DH71401716	Hà Thị	Dương	D14_TC02													6.86	6.55		6.00	6.80	8.00	6.83	5.53		6.40	6.53	117/123	44/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400165	Lê Ngọc Thùy	Dương	D14_TC02													6.50	6.25		5.30	6.65	7.00	5.38	6.63	6.50	7.00	6.54	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400143	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D14_TC02													8.00	7.40		7.80	7.80		8.21	8.33		7.59	7.85	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
7	DH71400146	Phan Thị Thùy	Dương	D14_TC02													6.71	7.70		7.45	7.25		7.18	7.44		7.43	7.33	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
8	DH71401761	Huỳnh Thanh	Hà	D14_TC02													6.50	5.55		6.75	6.78	7.00	6.36	6.78		6.71	6.63	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400345	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	D14_TC02													4.79	3.60		4.80	4.82	5.29	3.57	5.86	5.40	5.70	5.39	108/123	41/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400379	Cao Ngọc Thanh	Hiền	D14_TC02													6.50	6.85		6.35	6.85	4.00	6.70	7.22	7.00	7.91	6.93	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400439	Phạm Kim	Hoàng	D14_TC02													6.64	6.35		5.90	6.50	5.00	6.14	6.11		6.47	6.34	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400353	Châu ánh	Hồng	D14_TC02													5.71	5.00	0.00	4.60	5.55	5.63	3.79	5.71	5.40	6.09	5.78	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
13	DH71400411	Bùi Đức	Hưng	D14_TC02													5.00	4.25		4.45	4.96	5.50	4.00	5.17	7.50	5.76	5.58	111/123	41/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400621	Nguyễn Ngọc	Linh	D14_TC02													6.43	6.90		6.25	7.30	5.00	5.59	6.13	6.00	7.06	6.67	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
15	DH71400590	Đặng Thế	Lộc	D14_TC02													6.14	5.80	6.00	4.80	4.90	4.00	3.64	4.46		4.90	5.33	102/123	38/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400606	Trần Thạch	Lợi	D14_TC02													3.86	3.75	3.50	3.30	3.52		3.52	4.81	1.00	5.12	4.63	77/123	29/46				ĐẠT	DH14
17	DH71400749	Đặng Hữu Kim	Ngân	D14_TC02													6.86	5.75		5.50	6.95	5.50	5.59	6.35	7.00	6.82	6.54	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
18	DH71400754	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	D14_TC02													6.21	5.95		5.70	6.05	5.00	5.07	5.44	8.00	5.94	6.01	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
19	DH71400801	Nguyễn Lê Mỹ	Ngọc	D14_TC02													6.64	7.35		7.40	6.00		6.85	7.78		8.09	7.11	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
20	DH71300826	Lữ Thành	Nhân	D14_TC02										6.75	5.74		5.71	6.21	0.00	3.89			5.14	5.75	8.00	7.00	6.42	125/123	48/46				CB_TGIAN	DH13
21	DH71400855	Nguyễn Thị ý	Như	D14_TC02													7.50	7.90		7.35	7.80		7.55	8.33		8.09	7.77	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
22	DH71401022	Nguyễn Thanh	Phong	D14_TC02													6.36	6.45		5.35	4.75	3.00	2.57	4.04		5.34	5.41	96/123	36/46				ĐẠT	DH14
23	DH71401029	Nguyễn Thị Kim	Phụng	D14_TC02													5.79	6.10	8.00	6.20	6.15	5.00	5.06	5.60	5.00	6.18	6.03	112/123	42/46				ĐẠT	DH14
24	DH71400950	Đoàn Thị Kiều	Phương	D14_TC02													7.50	7.30		6.80	7.40		6.71	7.50		6.82	7.15	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
25	DH71400958	Nguyễn Huỳnh Mai	Phương	D14_TC02													6.29	6.50		5.90	7.20	5.00	7.25	7.72		7.27	6.89	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
26	DH71401227	Bùi Thái Ngọc	Thạch	D14_TC02													6.21	6.70	6.00	6.65	6.95	5.00	6.14	6.58	8.00	6.29	6.74	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
27	DH71401205	Phan Huỳnh Thanh	Thảo	D14_TC02													6.14	5.65		5.85	6.20		6.12	7.72	6.50	7.71	6.69	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
28	DH71401655	Huỳnh Kim	Thoa	D14_TC02													6.43	7.25		6.20	6.70	6.00	5.64	6.56	5.00	6.29	6.58	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
29	DH71401394	Đặng Phạm Thu	Trang	D14_TC02													7.14	6.60		7.00	7.55	6.00	7.14	7.79		6.82	7.23	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
30	DH71401410	Phan Thị Xuân	Trang	D14_TC02													7.21	6.40		6.35	7.65		6.40	7.13		8.24	7.09	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
31	DH71401374	Mạch Nguyệt	Trâm	D14_TC02													6.29	5.90		5.30	6.68	6.00	6.85	7.28		6.00	6.46	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
32	DH71401379	Nguyễn Thị Phương	Trâm	D14_TC02													6.57	5.85		5.50	6.00	5.50	6.36	6.28	7.00	6.29	6.25	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
33	DH71401439	Nguyễn Thị Tú	Trinh	D14_TC02													7.00	6.70		6.35	7.35	7.00	6.71	7.21		6.88	6.98	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
34	DH71401456	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D14_TC02													5.57	5.50	7.00	5.55	5.70	5.00	4.41	5.31	6.00	7.15	5.97	117/123	44/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
35	DH71401344	Hoàng Lê Cẩm	Tú	D14_TC02													5.93	6.20		5.50	6.10	5.00	4.86	6.15	7.50	6.18	6.15	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
36	DH71401523	Nguyễn Đỗ Bội	Tuyền	D14_TC02													6.79	6.50		5.15	4.27		3.90	6.39	6.33	4.70	5.93	114/123	43/46				ĐẠT	DH14
37	DH71401604	Nguyễn Thúy	Vy	D14_TC02													6.07	6.95	8.00	5.80	6.90	6.00	5.88	6.40	6.00	8.06	6.83	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
38	DH71401612	Võ Ngọc Thảo	Vy	D14_TC02													5.79	6.00	7.00	6.15	7.30	7.00	5.05	6.67		6.82	6.58	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
39	DH71401617	Trần Thị Bạch	Xuân	D14_TC02													6.07	5.65		6.15	6.35		5.50	6.28	7.00	6.35	6.16	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
40	DH71401619	Trương Thị Kim	Xuyến	D14_TC02													5.79	5.50		5.50	6.65	5.00	6.35	6.29		5.86	6.17	120/123	45/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS. TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_TC03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71400027	Lê Nhật	Anh	D14_TC03													5.64	4.35		4.14	2.96	1.50	2.46	2.50	0.00	0.46	3.71	55/123	21/46	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH14
2	DH71400057	Nguyễn Hoàng Như	Bình	D14_TC03													5.86	5.65		5.60	6.05	5.50	5.71	5.61	8.00	6.30	6.10	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400111	Trần Ngọc Bảo	Châu	D14_TC03													5.43	5.05	3.00	5.05	6.14	6.13	6.12	6.57		6.82	6.23	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400125	Phạm Trần Phương	Chi	D14_TC03													6.50	7.00		6.40	6.90		7.30	6.61		6.82	6.80	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400177	Huỳnh Hoài Diệu	Dung	D14_TC03													7.14	5.15		5.75	7.10	6.00	5.93	6.00		7.45	6.50	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400172	Tạ Tuấn	Dũng	D14_TC03													6.36	4.00		3.89	2.39	3.00	3.32	3.24	0.00	1.76	4.21	67/123	25/46	CB_BTH_1		KoDKMH	DC	DH14
7	DH71400230	Nguyễn Thành	Đạt	D14_TC03													6.07	5.60		5.35	5.75	4.50	5.15	5.67	4.00	4.64	5.80	115/123	43/46				ĐẠT	DH14
8	DH71400265	Trần Thị Thanh	Giang	D14_TC03													5.43	5.15	7.00	5.65	5.55	4.50	5.65	5.57	5.00	6.00	5.86	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400380	Lê Thanh	Hiền	D14_TC03													4.14	2.85	3.00	3.85	4.52	4.00	4.80	5.72	4.50	4.08	5.22	97/123	36/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400393	Đinh Thị Minh	Hiếu	D14_TC03													6.21	5.20		5.85	6.10	5.00	4.93	5.67		5.65	5.85	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400398	Nguyễn Phúc	Hiếu	D14_TC03													7.14	5.90		6.00	6.45	5.00	6.50	6.33	8.00	7.27	6.55	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400445	Lê Thị	Hoa	D14_TC03													5.07	4.30	7.00	5.00	5.67	6.00	6.80	7.08		7.29	6.40	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
13	DH71400289	Dương Thị	Hương	D14_TC03													5.71	5.70		5.20	6.50	5.50	6.14	6.58	6.00	7.94	6.41	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
14	DH71400291	Lại Thị Cẩm	Hương	D14_TC03													6.57	6.05		5.90	7.10	6.50	7.57	6.79		6.82	6.79	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
15	DH71400294	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	D14_TC03													6.21	6.15	5.00	5.65	6.30	5.50	6.14	6.53		7.06	6.37	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
16	DH71400583	Nguyễn Ngọc Yến	Lam	D14_TC03													5.86	6.00	6.00	5.85	6.50	6.00	6.94	7.05		7.75	6.69	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
17	DH71400625	Nguyễn Thị Như	Linh	D14_TC03													5.64	5.60	8.50	5.30	6.00	4.00	6.65	6.60	9.00	7.41	6.59	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
18	DH71401674	Nguyễn Trang Trúc	Linh	D14_TC03													6.71	7.00		5.65	6.15		7.35	7.06		8.00	6.94	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
19	DH71400729	Võ Thị Kiều	My	D14_TC03													4.43	1.25		0.15	0.00		1.91	1.30	1.00	0.00	1.35	15/123	6/46	BTH	NoHP	KoDKMH	BTH	DH14
20	DH71400807	Từ Kim	Ngọc	D14_TC03													6.21	5.75	6.00	5.00	5.80	6.00	6.25	5.85		5.75	6.07	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
21	DH71401677	Ngô Hoàng Yến	Nhi	D14_TC03													7.36	7.35		6.55	7.80		6.50	7.72		7.71	7.30	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
22	DH71400900	Nguyễn Phạm Thảo	Nhi	D14_TC03													7.21	7.30		7.25	7.85		7.47	7.50		7.29	7.42	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
23	DH71400998	Nguyễn Hồng	Phúc	D14_TC03													5.93	5.80	6.00	5.20	6.30	5.00	4.86	5.83	8.00	7.05	6.15	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
24	DH71401036	Lê Huỳnh Minh	Quân	D14_TC03													5.07	4.45	4.00	4.75	3.96	3.63	1.38	1.56	7.00	4.77	4.36	73/123	28/46				ĐẠT	DH14
25	DH71401169	Lý Văn	Thái	D14_TC03													5.36	0.00		2.30	3.84	6.13	5.46	5.43	7.00	6.22	5.28	101/123	38/46				ĐẠT	DH14
26	DH71401741	Trần Lê Trường	Thanh	D14_TC03													6.07	5.60	8.00	6.30	7.05	5.00	7.60	7.00		7.27	6.82	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
27	DH71401337	Nguyễn Thị Kim	Tiền	D14_TC03													5.71	6.95	8.00	6.10	6.20		7.44	7.45		8.50	7.00	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
28	DH71401535	Phan Trung	Tín	D14_TC03													5.86	4.60	7.00	6.50	5.36	5.00	6.55	6.17		5.33	6.15	113/123	42/46				ĐẠT	DH14
29	DH71401413	Trương Thị Thùy	Trang	D14_TC03													7.29	6.25		5.85	6.75	5.00	5.79	6.72		6.65	6.50	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
30	DH71401692	Phan Phương	Tuyền	D14_TC03													6.79	6.45	8.00	5.85	7.20	6.00	6.82	7.06		7.18	6.95	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
31	DH71401555	Trần Thị Kiều	Vân	D14_TC03													7.64	7.30		6.75	7.10		7.12	7.67		7.06	7.22	123/123	46/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
32	DH71401747	Nguyễn Thị	Xuyến	D14_TC03													6.07	6.15		5.80	6.75	4.00	6.14	6.26	7.50	7.71	6.63	121/123	45/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017 - 2018

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2014 - LỚP : D14_TC04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH71400154	Dương Bội	Dinh	D14_TC04													8.43	8.55		8.80	8.40		9.00	9.39		8.59	8.73	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
2	DH71400198	Lê Hà	Duyên	D14_TC04													6.71	6.00		6.30	7.65	6.00	8.28	7.21		7.75	7.16	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
3	DH71400531	Trương Cẩm	Khang	D14_TC04													7.21	8.20		7.50	7.95		8.64	8.33		8.24	8.01	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
4	DH71400636	Hồ Thị Phụng	Loan	D14_TC04													7.64	7.35		7.95	7.48		6.12	7.63	6.00	6.64	7.48	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
5	DH71400787	Nguyễn Thị	Nga	D14_TC04													6.07	6.45		6.15	7.20		6.78	6.68	7.00	6.75	6.69	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
6	DH71400776	Trần Thanh	Ngân	D14_TC04													6.57	5.50		5.40	5.73	5.50	4.64	6.00		5.70	5.94	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
7	DH71400847	Quách Văn	Nguyên	D14_TC04													5.64	5.65	7.00	5.50	6.15	5.00	5.14	6.39	6.00	6.35	6.07	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
8	DH71400869	Hồ Thị	Nhân	D14_TC04													6.57	6.55	6.00	6.60	6.90	6.00	6.50	6.47		6.20	6.69	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
9	DH71400888	Đinh Ngọc Yến	Nhi	D14_TC04													6.71	4.80		5.15	5.45	5.50	5.38	5.88		5.05	5.85	115/123	43/46				ĐẠT	DH14
10	DH71400921	Nguyễn Thị Thủy	Nhung	D14_TC04													6.57	5.90		5.35	6.14	5.00	4.86	6.00		6.70	6.14	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
11	DH71400863	Trần Nguyễn Huỳnh	Như	D14_TC04													6.07	6.75		8.10	7.09		7.57	7.50		6.88	7.28	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
12	DH71400989	Nguyễn Trung	Phú	D14_TC04													5.93	5.30	5.00	5.35	5.90	4.00	5.29	5.38	5.50	5.90	5.80	117/123	44/46				ĐẠT	DH14
13	DH71401044	Hồ Thiện	Quang	D14_TC04													7.07	6.55		6.25	6.45	7.00	6.00	6.00		7.06	6.57	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
14	DH71401067	Lê Thị Thảo	Quyên	D14_TC04													7.14	7.80		7.70	7.20		7.71	8.06		8.06	7.67	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
15	DH71401055	Huỳnh Thị Hương	Quỳnh	D14_TC04													6.50	5.95	8.00	5.50	6.25	6.50	5.75	5.52		6.55	6.35	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
16	DH71401057	Nguyễn Xuân	Quỳnh	D14_TC04													7.64	6.90		6.75	7.55		7.36	7.44		7.88	7.33	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
17	DH71401187	Nguyễn Thế	Thành	D14_TC04													6.00	5.60	8.00	5.78	6.39	4.00	5.36	6.00	8.00	7.18	6.34	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
18	DH71401273	Nguyễn Thị	Thủy	D14_TC04													6.00	5.90	7.00	6.33	6.50		6.57	6.22		7.53	6.50	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
19	DH71401159	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	D14_TC04													6.00	5.70	7.00	4.80	5.90	5.00	4.43	5.89		5.35	5.72	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
20	DH71401161	Nguyễn Thị Anh	Thư	D14_TC04													6.57	5.95		6.80	6.65	6.00	5.71	6.47		7.00	6.54	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
21	DH71401403	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D14_TC04													5.50	4.60		5.67	5.73	6.50	5.93	6.09	7.00	6.76	6.11	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
22	DH71401405	Nguyễn Thị Phương	Trang	D14_TC04													7.43	6.60		6.70	7.20	8.00	7.00	7.21		7.53	7.17	124/123	46/46				ĐẠT	DH14
23	DH71401414	Trần Lê Phương	Trang	D14_TC04													6.00	5.70		6.30	5.92	5.00	6.28	6.47	7.00	5.75	6.32	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
24	DH71401432	Đặng Ngọc Phương	Trinh	D14_TC04													6.79	5.75		5.75	6.82	6.00	4.93	6.63		6.05	6.43	121/123	45/46				ĐẠT	DH14
25	DH71401450	Võ Việt	Trinh	D14_TC04													6.71	6.10		5.60	5.77	6.00	5.61	5.73	8.00	5.40	6.17	120/123	45/46				ĐẠT	DH14
26	DH71401150	Lê Nguyễn Mạnh	Tường	D14_TC04													4.07	0.00		5.67	5.77	5.25	5.48	5.39	7.00	5.97	5.89	118/123	44/46				ĐẠT	DH14
27	DH71401574	Đặng Quốc	Việt	D14_TC04													7.00	7.75		8.06	8.05		8.79	8.61		8.06	8.01	123/123	46/46				ĐẠT	DH14
28	DH71401582	Nguyễn Anh	Vũ	D14_TC04													6.07	6.10		6.05	6.78	6.00	6.14	6.63		6.85	6.62	121/123	45/46				ĐẠT	DH14

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																						TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
29	DH71401600	Lưu Thị Thúy	Vy	D14_TC04													5.64	4.45	5.00	6.38	5.48	5.00	5.71	5.92	6.00	7.06	6.14	117/123	44/46				ĐẠT	DH14

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 04/04/2018.**

Qui ước :

(1) NoHP: Nợ học phí
(2) KoDKMH: Không đăng ký môn học
(3) CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH: Buộc thôi học
(5) CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
(6) CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC: Đình chỉ học tập
(8) TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
(9) NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
(11) DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN